

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/HS-PT

Ngày: 10-7-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông, ông Huỳnh Ngọc Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Ngọc Nôm – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 41/2019/TLPT-HS ngày 30 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo Lê Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2019/HS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị cáo có kháng cáo:* **Lê Văn T**, sinh năm 1999; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: kinh; giới T: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H (sinh năm 1975) và bà Phạm Thị Hồng V (sinh năm 1980); tiền án: không; tiền sự: ngày 27/7/2018, bị Công an xã Đ, huyện B ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản (chưa nộp phạt). Bị cáo tại ngoại (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Trần Quốc K sinh năm 1985, đăng ký thường trú ấp T, xã V, huyện M, tỉnh Sóc Trăng là quản lý khu ao nuôi tôm công nghiệp tại ấp T, xã Đ, huyện B.

Vào chiều ngày 12/12/2018 anh K về quê. Tại khu vực ao nuôi tôm anh K có để một cuộn dây điện lõi nhôm màu trắng - đen nhãn hiệu KP PVC ELECTRIC CABLE DUAV 2 x 14mm² 0.6/1KV BO 1200718 5976 M*5976M, tổng chiều dài 200m. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, Lê Văn T là người có một tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản, sau khi uống rượu cùng với ông Nguyễn Chí T đã đi ra phía sau và phát hiện cuộn dây điện nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. T đến nơi để dây điện và vác về nhà rồi đem ra vườn chôn xuống đất. Đến ngày

13/12/2018, Công an xã Đ đã xác định T là người chiếm đoạt tài sản của anh K, đồng thời thu giữ tang vật là một cuộn dây điện lõi nhôm màu trắng - đen nhãn hiệu KP PVC ELECTRIC CABLE DUAV 2 x 14mm² 0.6/1KV BO 1200718 5976 M*5976M, tổng chiều dài 200m.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 44 ngày 15/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận: cuộn dây điện nêu trên tại thời điểm bị mất trộm có giá trị 1.100.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2019/HS-ST ngày 23/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện B đã tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm “Tội trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn T 06 tháng tù. Thời hạn tù T từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 04/5/2019, bị cáo kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 06 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo yêu cầu được hưởng án treo và xin hứa sẽ trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào hành vi của bị cáo Lê Văn T lén lút chiếm đoạt một cuộn dây điện lõi nhôm màu trắng - đen nhãn hiệu KP PVC ELECTRIC CABLE DUAV 2 x 14mm² 0.6/1KV BO 1200718 5976 M*5976M, tổng chiều dài 200m của anh Trần Quốc K trị giá 1.100.000 đồng. Mặc dù bị cáo chiếm đoạt tài sản có giá trị dưới 2.000.000 đồng, nhưng bị cáo đã có tiền sự về tội trộm cắp tài sản lại tiếp tục phạm tội. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án đối với bị cáo T là đúng quy định pháp luật, không oan, sai.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại các điểm i và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 6 tháng tù là có căn cứ,

đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Đồng thời, bị cáo có nhân thân xấu, đã có tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản nên không đủ điều kiện được hưởng án treo theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

Quan điểm của kiểm sát viên tham gia phiên tòa đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân xấu của bị cáo để đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên hình phạt 6 tháng tù là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[1] Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

[2] Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

[3] Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện B (3b);
- Công an và VKSND huyện B (2b);
- Chi cục THADS huyện B (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã Đ, huyện B (1b);
- Bị cáo tại ngoại (01b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Sơn